

Số: 2443/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VP (HC), Tài.50.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Quang Đông

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP
ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh
công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng
hai con số giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 2443/QĐ-BVHTTDL ngày tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 258/NQ-CP); làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai thống nhất trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Xác định cụ thể nhiệm vụ, nội dung thực hiện, sản phẩm hoặc kết quả đầu ra, tiến độ, cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp và căn cứ xác nhận đối với từng nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch; bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, thuận lợi cho theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo.

c) Tổ chức thực hiện có trọng tâm các nhiệm vụ về kiểm soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; phân cấp, phân quyền, ủy quyền; tái cấu trúc quy trình; khai thác, tái sử dụng dữ liệu; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; chuyển đổi phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro, phù hợp với phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

d) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm tra, giám sát, công khai kết quả và kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các mốc thời gian được giao tại Nghị quyết số 258/NQ-CP; không xác định nhiệm vụ, chỉ tiêu, sản phẩm hoặc kết quả vượt thẩm quyền, ngoài phạm vi trách nhiệm của Bộ.

b) Phân công nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị; một nhiệm vụ có cơ quan, đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm chính, cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; không giao đơn vị đầu mối thực hiện thay trách nhiệm chuyên ngành.

c) Nhiệm vụ phải xác định rõ nội dung thực hiện, sản phẩm hoặc kết quả đầu ra, tiến độ và căn cứ xác nhận mức độ hoàn thành; đối với nhiệm vụ thực hiện trong năm 2026, khối lượng và sản phẩm phải phù hợp với thời gian còn lại của năm, tập trung rà soát, xác định danh mục, xây dựng phương án, lộ trình và triển khai nội dung đã đủ điều kiện.

d) Bảo đảm sự phối hợp giữa nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng và hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, dữ liệu, nguồn lực và tổ chức thực thi; kịp thời điều chỉnh cách thức triển khai khi có thay đổi về pháp luật, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hoặc điều kiện kỹ thuật có liên quan.

đ) Việc theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện phải dựa trên sản phẩm, hồ sơ, dữ liệu và kết quả có thể kiểm chứng; kết quả thực hiện Kế hoạch được lồng ghép trong báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ theo quy định, không phát sinh chế độ báo cáo riêng nếu không có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới thực chất công tác cải cách thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực thi thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền, ủy quyền; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, khai thác và tái sử dụng dữ liệu, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 258/NQ-CP giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo đảm không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo yêu cầu của Nghị quyết số 258/NQ-CP.

b) Đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi Bộ trực tiếp giải quyết được số hóa, khai thác, tái sử dụng theo quy định; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền công bố, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

c) Đến năm 2030, hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ để góp phần thực hiện mục tiêu 100% dịch vụ công thiết yếu được tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính và 100% dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đáp ứng điều kiện về dữ liệu, hạ tầng số theo quy định.

d) Đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi Bộ trực tiếp tổ chức thực hiện, đủ điều kiện, được thực hiện trên môi trường điện tử.

đ) Đến năm 2027, 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ được cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi dữ liệu có thể khai thác, tái sử dụng theo quy định.

e) Thực hiện chỉ đạo, điều hành và đánh giá cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức theo quy định; bảo đảm 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, xử lý của Bộ được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả đúng thời hạn theo quy định; góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

g) Đổi mới cơ chế rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo hướng dựa trên dữ liệu và quản lý theo vòng đời sự kiện của người dân, doanh nghiệp; thực hiện số hóa, tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu, bảo đảm nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần theo điều kiện thực tế và quy định pháp luật.

h) Hoàn thành các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bộ trong việc kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các nền tảng dùng chung theo quy định, góp phần vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành “một cửa số” của quốc gia.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Kiểm soát ngay từ quá trình xây dựng văn bản; chỉ đề xuất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh khi thật sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý và có chi phí tuân thủ phù hợp. Rà soát theo chuỗi công việc thực tế, ưu tiên xử lý điểm nghẽn; không để phát sinh lại giấy phép, điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu đã được cắt giảm dưới hình thức khác. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N01, N02 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

2. Rà soát phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với nguồn lực thực thi

Rà soát việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; xác định nhu cầu điều chỉnh và điều kiện thực hiện. Bảo đảm hướng dẫn, nguồn lực và năng lực cần thiết để việc thực hiện thẩm quyền được phân cấp không bị gián đoạn, chậm trễ. *Nội dung cụ thể thực hiện theo nhiệm vụ N03 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

3. Tái cấu trúc quy trình, dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu và hệ thống thông tin

Rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử; xác định thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Rà soát, xây dựng, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi Bộ theo quy định; phối hợp khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối và các nền tảng dùng chung. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N04, N05, N08, N09, N10, N11 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

4. Cải cách thủ tục hành chính nội bộ, chế độ báo cáo và nguyên tắc cung cấp thông tin một lần

Rà soát thủ tục hành chính nội bộ đủ điều kiện để thực hiện trên môi trường điện tử; rà soát chế độ báo cáo của doanh nghiệp để thực hiện điện tử; xác định dữ liệu có thể khai thác, tái sử dụng nhằm hạn chế yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N06, N07 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

5. Hoàn thiện hậu kiểm, quản trị rủi ro và biện pháp quản lý thay thế

Rà soát lĩnh vực đang áp dụng tiền kiểm, cấp phép, chấp thuận trước hoặc điều kiện kinh doanh; nghiên cứu tiêu chí phân loại đối tượng theo mức độ tuân thủ và rủi ro. Trường hợp cần thiết, rà soát tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc biện pháp quản lý thay thế phù hợp để chuyển dần sang hậu kiểm, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N14, N15 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

6. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát và xử lý phản ánh, kiến nghị

Gắn kiểm soát thủ tục hành chính với hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, xử lý việc tự đặt thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu hoặc quy trình ngoài quy định. Công khai kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định. Tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả phản ánh, kiến nghị đúng thời hạn. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N12, N16 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

7. Tham vấn, đối thoại và truyền thông

Tăng cường sự tham gia thực chất của người dân, doanh nghiệp trong rà soát, thiết kế và đánh giá thủ tục hành chính; tổ chức đối thoại với hiệp hội, doanh nghiệp và người dân phù hợp yêu cầu thực tiễn; tiếp nhận, xử lý kiến nghị, sáng kiến có căn cứ để phục vụ phương án cắt giảm, đơn giản hóa. Phối hợp với Bộ Tư pháp đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền trên báo chí, truyền thông chính sách, lan tỏa mô hình, cách làm hiệu quả và phản ánh kịp thời bất cập, vướng mắc trong thực tiễn. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N16, N18a tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

8. Tổ chức thực hiện, nguồn lực, năng lực và theo dõi kết quả

Xác định trách nhiệm người đứng đầu; bố trí đầu mối, nguồn lực phù hợp; rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tiến độ và kết quả theo sản phẩm; sử dụng dữ liệu có thể kiểm chứng; lồng ghép tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết vào báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ gửi Bộ Tư pháp. *Nội dung cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ N13a, N13b, N17, N18b tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo; chủ động phối hợp, xử lý vướng mắc.

2. Văn phòng Bộ là đầu mối chung tham mưu Lãnh đạo Bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình; tham mưu công khai kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết trong báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ gửi Bộ Tư pháp.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý lĩnh vực có thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, chế độ báo cáo, dữ liệu chuyên ngành chủ trì rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền; xác định nội dung nghiệp vụ của quy trình, dịch vụ công, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; xây dựng hoặc đề xuất sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế hậu kiểm, tiêu chí quản trị rủi ro, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc biện pháp quản lý thay thế theo thẩm quyền.

4. Vụ Pháp chế phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện thẩm định quy định về thủ tục hành chính (nếu có) đối với Thông tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số chủ trì hoặc phối hợp đối với phần kỹ thuật, dữ liệu, hạ tầng, kết nối và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

6. Vụ Kế hoạch, Tài chính phối hợp rà soát, tham mưu về nguồn lực tài chính theo quy định và khả năng cân đối.

7. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp tham mưu về nhân lực, năng lực thực thi, đào tạo, bồi dưỡng và việc gắn kết quả cải cách thủ tục hành chính với đánh giá, xếp loại theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Cục Báo chí chủ trì tham mưu phần nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền trên báo chí theo khoản 8 Mục IV Nghị quyết số 258/NQ-CP; phối hợp Bộ Tư pháp, Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

9. Đối với nhiệm vụ quy định tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch, cơ quan, đơn vị chủ trì căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để tổ chức thực hiện; trường hợp nhiệm vụ không thuộc lĩnh vực quản lý hoặc chưa đủ điều kiện thực hiện do phụ

thuộc quy định, hướng dẫn, nền tảng, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền thì chủ động báo cáo, phối hợp xử lý theo quy định.

10. Trong quá trình thực hiện, đối với nhiệm vụ phụ thuộc hướng dẫn, nền tảng, dữ liệu hoặc hạ tầng do Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền khác chủ trì, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động chuẩn bị điều kiện, phối hợp triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được giao sau khi có đủ căn cứ thực hiện.

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
1	N01	Kiểm soát việc đề xuất, ban hành mới thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong quá trình xây dựng văn bản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; bảo đảm chỉ đề xuất khi thật sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý, chi phí tuân thủ phù hợp và không làm phát sinh yêu cầu không cần thiết.	Bản đánh giá thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ (nếu có); nội dung kiểm soát thủ tục hành chính trong hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phương án xử lý đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có).	Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.	Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế.	Thường xuyên giai đoạn 2026-2030.	Mục III khoản 2 điểm a; Mục IV khoản 2 điểm a.	Hồ sơ xây dựng văn bản; kết quả kiểm soát thủ tục hành chính; quyết định công bố thủ tục hành chính.
2	N02	Rà soát thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý; xác định điểm nghẽn trong quá trình thực hiện, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa theo yêu cầu của Nghị quyết số 258/NQ-CP.	Danh mục nội dung cần rà soát; phương án/lộ trình xử lý; hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý lĩnh vực có thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; đơn vị liên quan.	Quý IV/2026; thường xuyên giai đoạn 2027-2030.	Mục III khoản 2 điểm a; Mục IV khoản 2 điểm a.	Danh mục rà soát; phương án được phê duyệt/tiếp thu; hồ sơ sửa đổi; dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính khi có.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
3	N03	Rà soát việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý; đánh giá yêu cầu về thẩm quyền, nguồn lực và điều kiện bảo đảm thực hiện.	Báo cáo rà soát; danh mục nội dung đề xuất phân cấp, phân quyền, ủy quyền; hồ sơ triển khai khi đủ điều kiện.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý lĩnh vực có thủ tục hành chính.	Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Kế hoạch, Tài chính.	Quý IV/2026; cập nhật giai đoạn 2027-2030.	Mục IV khoản 1 điểm c, điểm d; Mục IV khoản 2 điểm a.	Báo cáo rà soát; hồ sơ phân cấp, ủy quyền; phản hồi của địa phương/cơ quan liên quan; kết quả triển khai theo từng phương án.
4	N04	Rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở nghiệp vụ, dữ liệu và điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Danh mục thủ tục hành chính; quy trình điện tử; yêu cầu cấu hình hệ thống đối với thủ tục đủ điều kiện.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý thủ tục hành chính.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ.	Quý IV/2026; hoàn thành phân trách nhiệm của Bộ đến năm 2027.	Mục III khoản 2 điểm b; Mục IV khoản 1 điểm b.	Quy trình được phê duyệt; kết quả cấu hình, tích hợp, vận hành trên hệ thống thuộc trách nhiệm của Bộ.
5	N05	Rà soát thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và dữ liệu có thể khai thác, tái sử dụng; xác định nội dung có thể thay thế bằng dữ liệu theo quy định.	Danh mục dữ liệu, thành phần hồ sơ có thể tái sử dụng; phương án khai thác, kết nối, tái sử dụng dữ liệu.	Cơ quan, đơn vị chủ quản dữ liệu chuyên ngành.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ.	Quý IV/2026; thực hiện đến năm 2027 và duy trì.	Mục III khoản 2 điểm b, điểm g; Mục IV khoản 1 điểm b.	Danh mục dữ liệu; kết quả cấu hình/kết nối; hồ sơ thủ tục hành chính; hoàn thành theo từng dữ liệu đã được công bố và có thể khai thác hợp pháp.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
6	N06	Rà soát thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi Bộ trực tiếp tổ chức thực hiện để xác định khả năng thực hiện trên môi trường điện tử.	Danh mục thủ tục hành chính nội bộ đủ điều kiện; phương án, quy trình điện tử; kết quả triển khai theo lộ trình.	Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi Bộ trực tiếp kiểm soát.	Văn phòng Bộ; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số.	Quý IV/2026; hoàn thành đến năm 2027.	Mục III khoản 2 điểm d; Mục IV khoản 1 điểm a.	Danh mục công bố; quy trình điện tử; nhật ký hệ thống; kết quả thực hiện điện tử đối với thủ tục đủ điều kiện.
7	N07	Rà soát chế độ báo cáo của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ để xác định khả năng điện tử hóa, tái sử dụng thông tin và hạn chế cung cấp lặp lại thông tin.	Danh mục chế độ báo cáo; phương án điện tử hóa/tái sử dụng dữ liệu; đề xuất sửa đổi quy định khi cần thiết.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý lĩnh vực có chế độ báo cáo của doanh nghiệp.	Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số.	Quý IV/2026; hoàn thành đối với chế độ báo cáo đủ điều kiện đến năm 2027.	Mục III khoản 2 điểm đ; Mục IV khoản 1 điểm b.	Danh mục; biểu mẫu/quy trình điện tử; dữ liệu hệ thống; hồ sơ sửa đổi quy định khi có yêu cầu.
8	N08	Rà soát cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; xác định yêu cầu dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, đồng bộ và khai thác theo quy định.	Hồ sơ hiện trạng; danh mục dữ liệu; khoảng trống dữ liệu; lộ trình kết nối, khai thác.	Cơ quan, đơn vị chủ quản dữ liệu chuyên ngành.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; đơn vị liên quan.	Quý IV/2026; triển khai giai đoạn 2027-2030 theo quy định và nguồn lực.	Mục III khoản 2 điểm b, điểm g; Mục IV khoản 2 điểm d.	Hồ sơ hiện trạng; kế hoạch/lộ trình; kết quả kết nối, đồng bộ, khai thác theo từng cơ sở dữ liệu đủ điều kiện.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
9	N09	Hoàn thiện phần thuộc trách nhiệm của Bộ trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm kết nối, đồng bộ với hệ thống dùng chung theo quy định.	Hồ sơ kỹ thuật; kế hoạch nâng cấp/kết nối; kết quả cấu hình, kiểm thử, vận hành.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số.	Văn phòng Bộ; các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2026; triển khai giai đoạn 2027-2030.	Mục IV khoản 2 điểm đ; Mục IV khoản 1 điểm b.	Hồ sơ kỹ thuật; biên bản kiểm thử/kết nối; nhật ký vận hành; kết quả xử lý theo hướng dẫn/nền tảng của cơ quan chủ trì quốc gia.
10	N10	Rà soát điều kiện cung cấp dịch vụ công chủ động và hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính đối với dịch vụ thuộc phạm vi Bộ.	Danh mục dịch vụ/thủ tục; điều kiện dữ liệu, hạ tầng; phương án phối hợp, lộ trình triển khai.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý thủ tục hành chính.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ; cơ quan liên quan.	Rà soát trong năm 2026; triển khai đến năm 2030 theo điều kiện thực tế.	Mục III khoản 2 điểm c; Mục IV khoản 1 điểm b.	Danh mục và phương án được phê duyệt/triển khai; không lấy kết quả toàn quốc do địa phương/cơ quan khác thực hiện làm sản phẩm trực tiếp của Bộ.
11	N11	Từng bước theo dõi, đánh giá cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản trị thực hiện Kế hoạch.	Danh mục chỉ số, nguồn dữ liệu; báo cáo hoặc bảng theo dõi từ dữ liệu hệ thống khi đủ điều kiện.	Văn phòng Bộ.	Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2026; triển khai giai đoạn 2027-2030.	Mục III khoản 2 điểm e, điểm g; Mục V khoản 1 điểm c, điểm e.	Danh mục chỉ số/nguồn dữ liệu; báo cáo/bảng theo dõi; kết quả khai thác dữ liệu khi nền tảng, hệ thống đủ điều kiện.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
12	N12	Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính; kịp thời phát hiện, xử lý yêu cầu, thành phần hồ sơ hoặc quy trình ngoài quy định; công khai kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định.	Kế hoạch/nội dung kiểm tra; kết luận/kết quả xử lý; thông tin công khai theo quy định.	Văn phòng Bộ.	Các cơ quan, đơn vị chuyên ngành; đơn vị liên quan.	Thường xuyên; theo kế hoạch hằng năm.	Mục IV khoản 1 điểm đ; Mục V khoản 1 điểm c.	Quyết định/kế hoạch kiểm tra; biên bản/kết luận; văn bản xử lý; bằng chứng công khai theo quy định.
13	N13a	Rà soát, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch; lập dự toán, đề xuất nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; phối hợp tổng hợp, tham mưu bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.	Nhu cầu kinh phí của các nhiệm vụ được xác định, tổng hợp trong dự toán ngân sách hằng năm; văn bản hướng dẫn, tổng hợp hoặc tham mưu về nguồn lực tài chính theo chức năng, nhiệm vụ.	Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại Phụ lục Kế hoạch.	Vụ Kế hoạch, Tài chính; Văn phòng Bộ; các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2026; hằng năm giai đoạn 2027-2030.	Mục IV khoản 1 điểm c, điểm d.	Hồ sơ đề xuất nhu cầu kinh phí, dự toán ngân sách hằng năm, văn bản tổng hợp/tham mưu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
14	N13b	Rà soát nhu cầu, tham mưu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ địa phương tiếp nhận thẩm quyền thuộc lĩnh vực Bộ quản lý.	Nhu cầu/kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; chương trình, tài liệu, danh sách/kết quả bồi dưỡng theo nhu cầu thực tế.	Vụ Tổ chức cán bộ.	Các cơ quan, đơn vị chuyên ngành; Văn phòng Bộ.	Quý IV/2026; hằng năm giai đoạn 2027-2030.	Mục IV khoản 1 điểm d; Mục V khoản 1 điểm a.	Kế hoạch; tài liệu; danh sách/kết quả bồi dưỡng; nội dung chuyên môn do đơn vị lĩnh vực chịu trách nhiệm.
15	N14	Rà soát lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đang áp dụng cơ chế cấp phép, chấp thuận trước hoặc điều kiện kinh doanh để nghiên cứu hoàn thiện hậu kiểm, quản trị rủi ro khi đủ điều kiện.	Báo cáo rà soát lĩnh vực/đối tượng; đề xuất tiêu chí phân loại theo mức độ tuân thủ, rủi ro; hồ sơ sửa đổi, hoàn thiện cơ chế theo thẩm quyền.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ quản lý lĩnh vực có áp dụng cơ chế cấp phép, chấp thuận trước hoặc điều kiện kinh doanh.	Vụ Pháp chế; Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số; đơn vị liên quan.	Quý IV/2026; giai đoạn 2027-2030.	Mục IV khoản 2 điểm b.	Báo cáo rà soát; bộ tiêu chí/phương án; hồ sơ văn bản; không giao hoàn thành toàn bộ cơ chế trong năm 2026 khi chưa đủ điều kiện.
16	N15	Rà soát tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc biện pháp quản lý thay thế đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được cắt giảm trong trường hợp cần thiết.	Danh mục nhu cầu rà soát; lộ trình; hồ sơ xây dựng, sửa đổi, ban hành theo thẩm quyền.	Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý lĩnh vực có liên quan.	Vụ Pháp chế; đơn vị khoa học - công nghệ liên quan.	Quý IV/2026; giai đoạn 2027-2030.	Mục IV khoản 2 điểm c.	Danh mục rà soát; hồ sơ tiêu chuẩn/quy chuẩn/biện pháp quản lý; kết quả xử lý theo thẩm quyền.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
17	N16	Tổ chức tham vấn người dân, doanh nghiệp; đối thoại với hiệp hội, doanh nghiệp, người dân; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến cải cách và sử dụng kết quả làm đầu vào rà soát thủ tục hành chính.	Kế hoạch/nội dung tham vấn, đối thoại; hồ sơ xử lý phản ánh, kiến nghị; tổng hợp sáng kiến/phương án tiếp thu.	Văn phòng Bộ.	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cục Báo chí; hiệp hội, cơ quan liên quan.	Thường xuyên giai đoạn 2026-2030.	Mục IV khoản 1 điểm e; Mục V khoản 1 điểm đ.	Dữ liệu tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; văn bản trả lời/công khai; biên bản đối thoại; phương án tiếp thu; phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền được xử lý đúng hạn.
18	N17	Theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch; lồng ghép trong báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ gửi Bộ Tư pháp.	Nội dung báo cáo được lồng ghép trong báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ; không lập báo cáo riêng nếu không có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	Văn phòng Bộ.	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.	Theo kỳ báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính.	Mục V khoản 1 điểm b, điểm e.	Báo cáo định kỳ gửi Bộ Tư pháp; dữ liệu, tài liệu minh chứng do đơn vị cung cấp và hệ thống có thẩm quyền.
19	N18a	Phối hợp với Bộ Tư pháp chỉ đạo, tổ chức đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền trên báo chí về cải cách thủ tục hành chính; truyền thông chính sách, mô hình mới, cách làm hiệu quả; phản ánh bất cập, vướng mắc trong thực tiễn.	Kế hoạch/nội dung truyền thông; sản phẩm báo chí/truyền thông; tổng hợp phản ánh thực tiễn.	Cục Báo chí.	Văn phòng Bộ; Bộ Tư pháp; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; cơ quan báo chí.	Giai đoạn 2026-2030 theo kế hoạch/đợt truyền thông.	Mục IV khoản 8; Mục V khoản 1 điểm d.	Kế hoạch/văn bản phối hợp; sản phẩm truyền thông; tổng hợp phản hồi; thể hiện đúng vai trò phối hợp với Bộ Tư pháp.

STT	Mã	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Sản phẩm/kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-CP	Tiêu chí/nguồn xác nhận
20	N18b	Tổ chức thực hiện Kế hoạch; xác định trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra tiến độ, công khai kết quả kiểm tra, giám sát; gắn kết quả cải cách thủ tục hành chính với đánh giá theo quy định.	Văn bản phân công/Kế hoạch được ban hành trước ngày 01/10/2026; kết quả theo dõi, kiểm tra, tổng hợp hằng năm.	Văn phòng Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.	Trước ngày 01/10/2026; thường xuyên giai đoạn 2026-2030.	Mục V khoản 1 điểm a, điểm b, điểm c.	Kế hoạch/văn bản phân công; kết quả theo dõi/kiểm tra; nội dung công khai; hồ sơ đánh giá theo thẩm quyền.